

**ĐIỀU LỆ**  
**TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THAN – VINACOMIN**

**PHẦN MỞ ĐẦU**

1. Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Than - Vinacomin (dưới đây gọi là “Công ty”), được thành lập trên cơ sở chuyển Công ty Xuất Nhập khẩu và Hợp tác Quốc tế thành Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Than Việt Nam (nay là Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Than – Vinacomin) theo Quyết định số 149/2004/QĐ-BCN ngày 01/12/2004 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp, được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp.
2. Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Than – Vinacomin được xây dựng trên cơ sở:
  - Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26/11/2014;
  - Điều lệ mẫu áp dụng cho các công ty đại chúng ban hành kèm theo Thông tư số 95/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 22/7/2017 quy định về quản trị Công ty áp dụng cho các công ty đại chúng.
3. Điều lệ này được Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Than – Vinacomin thông qua vào ngày 16/4/2018.
4. Điều lệ này là cơ sở pháp lý cho mọi hoạt động của Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Than – Vinacomin. Các quy định của Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông và Hội đồng Quản trị khi được thông qua một cách hợp lệ, phù hợp với luật pháp và Điều lệ này, sẽ là những quy tắc và quy định ràng buộc để tiến hành các hoạt động kinh doanh.

**CHƯƠNG I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1- Giải thích từ ngữ, thuật ngữ trong Điều lệ**

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:
  - a) “Hội đồng” có nghĩa là Hội đồng quản trị của Công ty, có thể được viết tắt là HĐQT.
  - b) “Địa bàn kinh doanh” có nghĩa là phạm vi địa lý thực hiện các hoạt động kinh doanh của Công ty, bao gồm trong và ngoài lãnh thổ Việt Nam.
  - c) “Vốn điều lệ” là tổng giá trị mệnh giá các cổ phần đã bán hoặc do tất cả các cổ đông đóng góp hoặc đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp.
  - d) “Luật doanh nghiệp” có nghĩa là Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2014.

- e) “Luật chứng khoán” có nghĩa là Luật chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 26/6/2006; Luật chứng khoán sửa đổi bổ sung số 62/2010/QH12 được Quốc hội thông qua ngày 24/11/2010.
  - f) “Ngày thành lập” có nghĩa là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy tờ tương đương khác) lần đầu.
  - g) “Pháp luật” là tất cả các văn bản quy phạm pháp luật được quy định tại Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.
  - h) “Người quản lý công ty” là Chủ tịch HĐQT, Thành viên HĐQT, Giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh Công ty ký kết giao dịch của Công ty theo quy định tại Điều lệ này.
  - i) “Người Điều hành Công ty” là Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ này.
  - j) “Người có liên quan” là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 17 Điều 4 Luật doanh nghiệp; Khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán.
  - k) “Cổ đông” có nghĩa là mọi tổ chức hay cá nhân sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty và phải được ghi tên trong Sổ đăng ký cổ đông.
  - l) “Cổ đông Lớn” có nghĩa như được quy định tại Khoản 9 Điều 6 Luật Chứng khoán.
  - m) “Thời hạn hoạt động” là thời hạn hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2- của Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được thông qua bằng một nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
  - n) “Việt Nam” có nghĩa là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
  - o) “Cổ phiếu” là chứng chỉ do công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty.
  - p) “Cổ tức” là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của Công ty sau khi đã thực hiện nghĩa vụ về tài chính.
2. Trong Điều lệ này, bất kỳ một tham chiếu nào tới bất kỳ một điều khoản hoặc văn bản nào sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế chúng. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh các nội dung liên quan đến Điều lệ này bị sửa đổi, bổ sung, thay thế thì những nội dung liên quan trong Điều lệ này sẽ được thực hiện theo nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế của văn bản quy phạm pháp luật đó. Đại hội đồng Cổ đông (dưới đây gọi tắt là ĐHĐCĐ) lần gần nhất sau đó phải sửa lại Điều lệ cho phù hợp.
  3. Các tiêu đề (Chương, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc theo dõi mà không ảnh hưởng tới việc giải thích nội dung của Điều lệ này.
  4. Các từ ngữ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

**Điều 2- Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty**

1. Tên Công ty

- Tên tiếng Việt: **Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Than - Vinacomin**
- Tên tiếng Anh: **Vinacomin - Coal Import Export Joint Stock Company**
- Tên viết tắt: **COALIMEX**

2. Công ty có biểu tượng riêng như sau:



**COALIMEX**

3. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.
4. Công ty là công ty con của Tập đoàn công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (dưới đây gọi tắt là TKV), do TKV chi phối thông qua tỷ lệ nắm giữ cổ phần, thông qua thương hiệu của TKV hoặc thông qua các quyền chi phối khác theo quy định của pháp luật và quy chế quản trị nội bộ của TKV.
5. Công ty được phép sử dụng nhãn hiệu TKV và VINACOMIN của TKV trong tên gọi của Công ty bằng tiếng Việt và tiếng Anh theo quy chế sử dụng nhãn hiệu của TKV và quy định của pháp luật.

Ngoài các quy định trong Điều lệ này, Công ty có trách nhiệm thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty con đối với TKV theo Điều lệ của TKV và các quy chế quản lý trong nội bộ TKV mà Công ty là một thành viên.

6. Trụ sở của Công ty:

- Địa chỉ : Số 47 Phố Quang Trung, Phường Trần Hưng Đạo,  
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội
- Điện thoại : 024.39424634
- Fax : 024.39422350
- Email : [coalimex@fpt.vn](mailto:coalimex@fpt.vn) hoặc [coalimex@hn.vnn.vn](mailto:coalimex@hn.vnn.vn)
- Website : <http://www.coalimex.vn/>

7. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với nghị quyết của HĐQT và trong phạm vi luật pháp cho phép. Hiện nay Công ty có 03 Chi nhánh:

- a) Chi nhánh tại Thành phố Hà Nội: Chi nhánh Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Than - Vinacomin tại Hà Nội.

- b) Chi nhánh tại tỉnh Quảng Ninh: Chi nhánh Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Than - Vinacomin tại Quảng Ninh.
- c) Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh: Chi nhánh Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Than - Vinacomin.
8. Trừ khi chấm dứt hoạt động theo Điều 55- Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty sẽ bắt đầu từ Ngày Thành lập và là vô thời hạn.

### **Điều 3- Người đại diện theo pháp luật**

Công ty có một (1) người đại diện theo pháp luật, là Giám đốc Công ty. Người đại diện theo pháp luật có quyền hạn và nghĩa vụ theo quy định hiện hành của pháp luật và quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

### **Điều 4- Mục tiêu và ngành nghề kinh doanh của Công ty**

1. Mục tiêu hoạt động của Công ty là tối đa hoá các khoản lợi nhuận hợp pháp cho Công ty, tăng lợi tức cho các Cổ đông, đóng góp cho Ngân sách Nhà nước, đảm bảo quyền lợi cho người lao động và không ngừng phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.
2. Ngành nghề kinh doanh của Công ty:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	<p>Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu</p> <p>Chi tiết: Xuất nhập khẩu trực tiếp và uỷ thác: than mỏ, các sản phẩm chế biến từ than; thiết bị, phương tiện vận tải, xe máy, phụ tùng, vật tư các loại; khoáng sản, kim khí, nguyên, nhiên, vật liệu, hoá chất (trừ hoá chất Nhà nước cấm); hàng hoá công nghiệp nhẹ và hàng hoá tiêu dùng; đồ dùng, rượu, bia các loại (không bao gồm kinh doanh quán bar); thuốc lá lá và nguyên liệu thay thế thuốc lá lá đã chế biến; thiết bị viễn thông, điện tử; hàng điện máy, điện lạnh;</p> <p>- Kinh doanh, xuất nhập khẩu cát đã qua chế biến;</p> <p>(Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của Pháp luật)</p>	8299
2	<p>Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan</p> <p>Chi tiết: Kinh doanh than mỏ, các sản phẩm chế biến từ than;</p>	4661
3	<p>Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác</p> <p>Chi tiết: Kinh doanh thiết bị, phương tiện vận tải, xe máy, phụ tùng, vật tư các loại;</p>	4511

4	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: Kinh doanh khoáng sản, kim khí, nguyên, nhiên, vật liệu, hoá chất (trừ hoá chất Nhà nước cấm);	4662
5	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Kinh doanh hàng hoá công nghiệp nhẹ và hàng tiêu dùng;	4649
6	Bán buôn đồ uống Chi tiết: Kinh doanh đồ dùng, rượu, bia các loại;	4633
7	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc Lào Chi tiết: Kinh doanh thuốc lá và nguyên liệu thay thế thuốc lá đã chế biến;	4634
8	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông Chi tiết: Kinh doanh thiết bị viễn thông, điện tử; hàng điện máy, điện lạnh;	4652
9	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Tư vấn du học nước ngoài;	8559
10	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác Chi tiết: Dịch vụ cho thuê thiết bị, máy móc, và ký gửi hàng hoá;	7730
11	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh địa ốc và văn phòng cho thuê (Không bao gồm hoạt động tư vấn về giá đất)	6810
12	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Dịch vụ vận tải hàng hoá;	4933
13	Cung ứng và quản lý nguồn lao động Chi tiết: Hoạt động xuất khẩu lao động;	7830
14	Giáo dục nghề nghiệp Chi tiết: Đào tạo, giáo dục, định hướng cho người lao động Việt Nam đi lao động có thời hạn ở nước ngoài;	8532

15	Sản xuất than cốc Chi tiết: Sản xuất, chế biến than mỏ và các khoáng sản khác;	1910
16	Phá dỡ Chi tiết: San lấp mặt bằng	4311
17	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ cảng, kho bãi;	5210
18	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống Chi tiết: Kinh doanh các mặt hàng nông sản;	4620
29	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Kinh doanh các mặt hàng thực phẩm tươi sống, đông lạnh, thủy hải sản;	4632
20	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Kinh doanh Nitrat Amôn hàm lượng cao;	4669
21	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
22	Thu gom rác thải không độc hại	3811
23	Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại.	3821
24	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
25	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
26	Lắp đặt áy móc và thiết bị công nghiệp	3320

#### **Điều 5- Phạm vi kinh doanh và hoạt động**

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề của Công ty được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp hoặc quy định của Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp và Điều lệ này phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.
2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác mà pháp luật không cấm và được ĐHCĐ thông qua.

## CHƯƠNG II. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN

### Điều 6- Vốn Điều lệ, cổ phần.

#### 1. Vốn Điều lệ

- a) Vốn Điều lệ của Công ty là 110.000.000.000 đồng (Một trăm mười tỷ đồng).

Tổng số vốn Điều lệ của Công ty được chia thành 11.000.000 (Mười một triệu) cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

Trong đó:

- Vốn Nhà nước (do TKV nắm giữ): 60.953.480.000 đồng tương đương 6.095.348 cổ phần, chiếm 55,41%.
- Vốn của các Cổ đông khác là: 49.046.520.000 đồng tương đương 4.904.652 cổ phần, chiếm 44,59%.

- b) Công ty có thể thay đổi vốn Điều lệ (tăng, giảm vốn điều lệ) khi được ĐHCĐ thông qua phù hợp với các quy định của pháp luật.

#### 2. Cổ phần

- a) Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này đều là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ gắn liền với cổ phần phổ thông được quy định tại Điều 12- và Điều 13- của Điều lệ này.

- b) Tỷ lệ sở hữu cổ đông nước ngoài: 0% theo quy định tại Khoản 1, Điều 8 Luật người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng số 72/2006/QH11 ngày 29/11/2006 và Điều 2 Nghị định số 126/2007/NĐ-CP ngày 01/8/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

- c) Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của ĐHCĐ và phù hợp với các quy định của pháp luật.

- d) Cổ phần phổ thông không thể chuyển đổi thành cổ phần ưu đãi. Cổ phần ưu đãi có thể chuyển đổi thành cổ phần phổ thông theo nghị quyết của ĐHCĐ.

#### e) Chào bán cổ phần:

- Chào bán cổ phần là việc Công ty tăng thêm số lượng cổ phần được quyền chào bán và bán các cổ phần đó trong quá trình hoạt động để tăng vốn điều lệ.
- Chào bán cổ phần để tăng vốn điều lệ được thực hiện theo một trong các hình thức quy định tại Khoản 2, Điều 122 Luật doanh nghiệp gồm:
  - Chào bán cho các cổ đông hiện hữu;
  - Chào bán ra công chúng;
  - Chào bán cổ phần riêng lẻ.
- Việc chào bán cổ phần của công ty thực hiện theo các quy định tại Điều 122, 123 và Điều 124 của Luật doanh nghiệp và quy định của pháp luật về chứng khoán.

- Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các Cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu Cổ phần phổ thông của họ trong Công ty theo Điều 124 Luật Doanh nghiệp, trừ trường hợp ĐHĐCĐ quyết định khác. Số Cổ phần được chào bán mà không được Cổ đông đăng ký mua hết sẽ được quyết định bởi HĐQT. HĐQT có thể phân phối số Cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà HĐQT thấy là phù hợp, nhưng không được bán số Cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các Cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp Cổ phần được bán qua Sở Giao dịch Chứng khoán theo phương thức đấu giá.
  - f) Bán cổ phần: HĐQT quyết định thời điểm, phương thức và giá bán cổ phần. Giá bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ trường hợp quy định tại Điều 125 Luật doanh nghiệp và phải được ĐHĐCĐ chấp thuận.
  - g) Mua lại cổ phần: Theo quyết định của ĐHĐCĐ, Công ty có thể mua lại không quá ba mươi (30) % tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần ưu đãi cổ tức đã bán theo quy định tại Điều 130 Luật doanh nghiệp. Cổ phần được Công ty mua lại được coi là cổ phần chưa bán theo quy định tại Khoản 4, Điều 111 Luật doanh nghiệp. HĐQT có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này, Luật chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan. Trường hợp HĐQT không thực hiện chào bán, Công ty phải làm thủ tục điều chỉnh giảm vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị mệnh giá các cổ phần được Công ty mua lại trong thời hạn mười (10) ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại cổ phần, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác.
  - h) Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được ĐHĐCĐ thông qua bằng văn bản và phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
3. Cổ đông sáng lập: Công ty được chuyển đổi từ công ty do Nhà nước sở hữu 100% Vốn Điều lệ, do đó không có Cổ đông sáng lập theo quy định tại Khoản 1 Điều 119 Luật Doanh nghiệp. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và chi tiết khác của Cổ đông được ghi trong Sổ đăng ký cổ đông.

#### **Điều 7- Chứng nhận cổ phiếu**

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.
2. Cổ phiếu là chứng chỉ do Công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại Khoản 1 Điều 120 Luật doanh nghiệp.
3. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai (02) tháng (hoặc có thể lâu hơn theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phần của Công ty, người sở hữu cổ phần sẽ được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu hoặc bất kỳ một khoản phí gì.



4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác thì cổ đông sở hữu cổ phiếu đó có thể yêu cầu Công ty cấp lại cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra được bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.

#### **Điều 8- Chứng chỉ chứng khoán, sổ đăng ký cổ đông**

1. Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự), sẽ được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của đại diện theo pháp luật của Công ty, trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện phát hành quy định khác.
2. Sổ đăng ký Cổ đông
  - a) Công ty lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này. Cổ đông phổ thông và cổ đông ưu đãi khác có thể được đăng ký vào các sổ khác nhau.
  - b) Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
    - Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty;
    - Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
    - Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp;
    - Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;
    - Số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.
  - c) Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán, cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép nội dung sổ đăng ký cổ đông trong giờ làm việc của Công ty hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán.
3. Trường hợp cổ đông có thay đổi địa chỉ thường trú thì phải thông báo kịp thời với công ty để cập nhật vào sổ đăng ký cổ đông. Công ty không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ của cổ đông.

#### **Điều 9- Chuyển nhượng cổ phần**

1. Tất cả các cổ phần đều được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền biểu quyết, quyền nhận cổ phần phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phần mới chào bán.
3. Trừ khi HĐQT có quy định khác (phù hợp với pháp luật hiện hành), tất cả các cổ phần chuyển nhượng đều có thể được thực hiện thông qua việc chuyển nhượng bằng văn bản theo cách thông thường hoặc theo bất kỳ cách nào mà HĐQT chấp thuận. Cổ phiếu đã niêm yết hoặc đăng ký giao dịch phải được chuyển nhượng thông qua Sở Giao dịch Chứng khoán phù hợp với các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán. Giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng, bên nhận chuyển nhượng hoặc người đại diện theo ủy quyền của họ ký. Bên chuyển nhượng vẫn là người sở hữu cổ phần liên quan cho đến khi tên của bên nhận chuyển nhượng được đăng ký vào sổ đăng ký cổ đông (trừ trường hợp bên chuyển nhượng ủy quyền cho bên nhận chuyển nhượng tham dự ĐHĐCĐ diễn ra trong thời gian đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp).
4. Trong trường hợp một cổ đông bị chết hoặc được cơ quan nhà nước có thẩm quyền tuyên bố là mất tích, những người thừa kế hoặc những người quản lý tài sản của người chết, người mất tích sẽ được Công ty thừa nhận là người (hoặc những người) duy nhất có quyền hoặc hưởng lợi đối với cổ phần, nhưng quy định này không giải tỏa tài sản của cổ đông đã chết hoặc mất tích khỏi mọi trách nhiệm gắn với bất kỳ cổ phần nào mà người đó nắm giữ. Trường hợp cổ đông chết hoặc mất tích mà không có người thừa kế thì số cổ phần đó được giải quyết theo quy định của pháp luật dân sự.
5. Cổ đông có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình tại Công ty cho người khác; sử dụng cổ phần để trả nợ. Trường hợp này, người được tặng cho hoặc nhận trả nợ bằng cổ phần sẽ là cổ đông của Công ty.
6. Người nhận cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều này chỉ trở thành cổ đông Công ty từ thời điểm các thông tin của họ quy định tại Điểm (b) Khoản 2 Điều 8- của Điều lệ này được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông của Công ty.

#### **Điều 10- Thu hồi và thanh toán mua cổ phần**

1. Trường hợp Cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phần, HĐQT thông báo và có quyền yêu cầu Cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với tiền lãi tính trên khoản tiền đó theo quy định tại Khoản 5 Điều này và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty theo quy định.
2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trong trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Sau thời hạn quy định, cổ đông chưa thanh toán hoặc chỉ thanh toán được một phần số cổ phần đã đăng ký mua, thì thực hiện theo quy định sau đây:
  - a) Cổ đông chưa thanh toán số cổ phần đã đăng ký mua sẽ đương nhiên không còn là cổ đông của Công ty và không được chuyển nhượng quyền mua cổ phần đó cho người khác;
  - b) Cổ đông chỉ thanh toán một phần số cổ phần đã đăng ký mua sẽ có quyền biểu quyết, nhận lợi tức và các quyền khác tương ứng với số cổ phần đã thanh toán; không được chuyển nhượng quyền mua số cổ phần chưa thanh toán cho người khác;
  - c) Số cổ phần chưa thanh toán được coi là cổ phần chưa bán và HĐQT có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ trong trường hợp các yêu cầu nêu tại Khoản 2 điều này không được thực hiện và quyết định phương án xử lý tiếp theo.
4. Cổ phần bị thu hồi được coi là cổ phần được quyền chào bán của Công ty theo quy định tại Điều 111 Luật Doanh nghiệp. HĐQT có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà HĐQT thấy là phù hợp.
5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo lãi suất tiền gửi không kỳ hạn bằng tiền đồng Việt Nam tại ngân hàng mà Công ty mở tài khoản, vào thời điểm thu hồi theo quyết định của HĐQT kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. HĐQT có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi hoặc có thể miễn giảm thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đó.
6. Thông báo thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.
7. Cổ đông chưa thanh toán hoặc chưa thanh toán đủ số cổ phần đã đăng ký mua phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với các nghĩa vụ tài chính của công ty phát sinh cho đến khi cổ phần bị thu hồi.

### **CHƯƠNG III. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT**

#### **Điều 11- Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát Công ty**

1. Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:
  - a) ĐHĐCĐ là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty;
  - b) HĐQT do ĐHĐCĐ bầu ra, là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ;
  - c) Ban Kiểm soát do ĐHĐCĐ bầu ra để thực hiện giám sát HĐQT, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty; chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ trong thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ của Ban Kiểm soát;
  - d) Giám đốc là người điều hành trong việc kinh doanh hàng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của HĐQT và chịu trách nhiệm trước HĐQT và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

## Mục 1. Cổ đông và ĐHĐCĐ

### Điều 12- Quyền của Cổ đông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.
2. Cổ đông có quyền được đối xử công bằng. Mỗi cổ phần của cùng một loại tạo cho cổ đông sở hữu cổ phần đó các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau.
3. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:
  - a) Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp ĐHĐCĐ và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại ĐHĐCĐ hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền hoặc biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử (bỏ phiếu từ xa) hoặc hình thức điện tử khác. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
  - b) Nhận cổ tức tương ứng với số cổ phần sở hữu tùy thuộc vào kết quả kinh doanh hàng năm của Công ty và theo quyết định của ĐHĐCĐ;
  - c) Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;
  - d) Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu, trừ trường hợp ĐHĐCĐ quyết định bán cổ phần cho cổ đông mới;
  - e) Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông trong danh sách cổ đông đủ tư cách tham gia ĐHĐCĐ và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;
  - f) Tiếp cận thông tin về danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ. Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;
  - g) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, sổ biên bản họp ĐHĐCĐ và các nghị quyết của ĐHĐCĐ;
  - h) Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào Công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông loại khác có quyền ưu tiên hơn theo quy định của pháp luật;
  - i) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 129 của Luật Doanh nghiệp;
  - j) Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.
4. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông nắm giữ từ năm (05) % trở lên tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu (06) tháng trở lên có các quyền sau:
  - a) Đề cử người vào HĐQT và Ban Kiểm soát theo quy định tương ứng tại các Khoản 2 Điều 25- và Khoản 2 Điều 36- của Điều lệ này;
  - b) Yêu cầu HĐQT thực hiện việc triệu tập ĐHĐCĐ trong các trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 114 và Điều 136 Luật Doanh nghiệp.

- c) Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các Cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại ĐHĐCĐ.
  - d) Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của HĐQT, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban Kiểm soát;
  - e) Yêu cầu Ban Kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, căn cước công dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với Cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với Cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng Cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm Cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
  - f) Các quyền khác được quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.
5. Cổ đông có thể ủy quyền cho thành viên HĐQT làm đại diện cho mình tại ĐHĐCĐ.
  6. Quyền của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi (nếu có) sẽ do ĐHĐCĐ quyết định phù hợp với quy định của pháp luật.
  7. Cổ đông có quyền bảo vệ quyền lợi hợp pháp của mình. Trong trường hợp quyết định của ĐHĐCĐ vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty, quyết định của HĐQT thông qua trái quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Công ty gây thiệt hại cho cổ đông, có quyền đề nghị hủy hoặc đình chỉ quyết định đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

### **Điều 13- Nghĩa vụ của Cổ đông**

Cổ đông có nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế quản lý của Công ty. Chấp hành quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT;
2. Tham dự các cuộc họp ĐHĐCĐ và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
  - a) Tham dự và trực tiếp biểu quyết tại cuộc họp;
  - b) Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
  - c) Tham dự và biểu quyết thông qua cuộc họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
  - d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

3. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định; không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp Cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì các thành viên HĐQT và người đại diện theo pháp luật của Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra;
4. Cung cấp địa chỉ và các thông tin cá nhân đầy đủ chính xác khi đăng ký mua cổ phần và cập nhật bằng văn bản cho Công ty ngay khi có sự thay đổi về các thông tin này;
5. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ và pháp luật hiện hành;
6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
  - a) Vi phạm pháp luật;
  - b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
  - c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.
  - d) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc
7. Ngoài các nghĩa vụ nêu tại từ khoản 1 đến khoản 6 trên đây, Cổ đông Lớn còn có các nghĩa vụ sau:
  - a) Không được lợi dụng ưu thế của mình gây ảnh hưởng đến các quyền, lợi ích của Công ty và của các Cổ đông khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ;
  - b) Công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 14- Đại hội đồng cổ đông**

1. ĐHĐCĐ là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. ĐHĐCĐ thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. ĐHĐCĐ phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của HĐQT, cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không quá sáu (06) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. ĐHĐCĐ thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. Ngoài cuộc họp thường niên, ĐHĐCĐ có thể họp bất thường.
2. HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp nhưng phải ở trong lãnh thổ Việt Nam. ĐHĐCĐ thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính hàng năm và ngân sách tài chính cho năm tài chính tiếp theo. Trong trường hợp báo cáo kiểm toán tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, Công ty có thể mời đại diện Công ty Kiểm toán dự họp ĐHĐCĐ thường niên để giải thích các nội dung liên quan.
3. HĐQT phải triệu tập ĐHĐCĐ bất thường trong các trường hợp sau:
  - a) HĐQT xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

- b) Việc triệu tập là cần thiết nếu các kiểm toán viên độc lập được chỉ định đề nghị thảo luận về báo cáo kiểm toán hoặc về tình hình tài chính của Công ty và HĐQT cũng nhận thấy như vậy;
  - c) Bảng cân đối kế toán hàng năm, các báo cáo quý hoặc nửa năm hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (50) % so với số đầu kỳ;
  - d) Khi số thành viên của HĐQT, thành viên độc lập HĐQT, thành viên Ban kiểm soát ít hơn số thành viên mà pháp luật quy định, hoặc số thành viên HĐQT trị ít hơn một phần ba (1/3) số thành viên quy định trong Điều lệ;
  - e) Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại Khoản 4 Điều 12- của Điều lệ này yêu cầu triệu tập ĐHĐCĐ bằng văn bản. Văn bản yêu cầu triệu tập phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có chữ ký của các Cổ đông liên quan (văn bản yêu cầu có thể lập thành nhiều bản trong đó mỗi bản phải có chữ ký của tối thiểu một Cổ đông có liên quan và tập hợp lại tất cả các văn bản kiến nghị phải có đủ chữ ký của tất cả các Cổ đông liên quan);
  - f) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát nếu Ban kiểm soát có căn cứ tin rằng Người quản lý Công ty vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật Doanh nghiệp, hoặc HĐQT hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;
  - g) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
4. Thẩm quyền triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường
- a) HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên HĐQT còn lại như quy định tại Điểm d Khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điểm e, f Khoản 3 Điều này. Trường hợp HĐQT không triệu tập cuộc họp nêu trên thì Chủ tịch HĐQT và các thành viên HĐQT phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Công ty.
  - b) Trường hợp HĐQT không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định tại Điểm a) Khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban Kiểm soát phải thay thế HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định tại Khoản 5 Điều 136 Luật Doanh nghiệp. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ như quy định thì Trưởng Ban Kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Công ty (nếu có).
  - c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Điểm e Khoản 3 Điều này có quyền thay thế HĐQT, Ban Kiểm soát triệu tập họp ĐHĐCĐ .
- Trong trường hợp này, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông triệu tập họp ĐHĐCĐ có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của ĐHĐCĐ nếu xét thấy cần thiết.

- d) Người triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ phải lập và chốt danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ, cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông, lập chương trình và nội dung cuộc họp, chuẩn bị tài liệu, xác định thời gian và địa điểm họp, gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định tại Điều 18- Điều lệ này.
- e. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp ĐHĐCĐ sẽ được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do Cổ đông chi tiêu khi tham dự ĐHĐCĐ, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

#### **Điều 15- Quyền và nhiệm vụ của ĐHĐCĐ**

1. ĐHĐCĐ thường niên có quyền thảo luận và thông qua:
  - a) Báo cáo tài chính được kiểm toán hàng năm;
  - b) Báo cáo của HĐQT về quản trị và kết quả hoạt động của HĐQT và từng thành viên HĐQT;
  - c) Báo cáo của Ban Kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của HĐQT, Giám đốc Công ty và các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Ban Kiểm soát;
  - d) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát và từng Kiểm soát viên;
  - e) Định hướng, kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.
2. ĐHĐCĐ thường niên và bất thường thông qua nghị quyết, quyết định bằng văn bản về các vấn đề sau:
  - a) Thông qua các báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán;
  - b) Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà HĐQT đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các Cổ đông tại ĐHĐCĐ;
  - c) Số lượng thành viên của HĐQT và Ban Kiểm soát;
  - d) Lựa chọn công ty kiểm toán hoặc danh sách các công ty kiểm toán độc lập, theo đề nghị của Ban kiểm soát và ủy quyền cho HĐQT quyết định lựa chọn một trong số những đơn vị này thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty;
  - e) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc thay thế thành viên HĐQT và Ban Kiểm soát;
  - f) Tổng số tiền thù lao của các thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát và Báo cáo tiền thù lao của HĐQT và Ban Kiểm soát;
  - g) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty, trừ trường hợp điều chỉnh Vốn Điều lệ do phát hành thêm cổ phần mới trong phạm vi số lượng cổ phần được quyền chào bán đã được ĐHĐCĐ thông qua trước đó phù hợp với quy định của pháp luật; và trừ trường hợp điều chỉnh vốn điều lệ do Công ty mua lại cổ phần theo quyết định của ĐHĐCĐ nhưng không thực hiện chào bán.
  - h) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần;
  - i) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;



- j) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
  - k) Kiểm tra và xử lý các vi phạm của HĐQT hoặc Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các Cổ đông của Công ty;
  - l) Quyết định đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ ba mươi lăm (35) % trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
  - m) Quyết định việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác với tổng giá trị góp vốn, mua cổ phần từ ba mươi lăm (35) % trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán.
  - n) Quyết định mua lại trên mười (10) % tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại được chào bán trong mười hai (12) tháng;
  - o) Công ty ký kết hợp đồng và giao dịch với những người được quy định tại Khoản 1 Điều 162 của Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm (35) % tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán;
  - p) Quy chế nội bộ về quản trị công ty và các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này.
3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:
- a) Thông qua các hợp đồng, giao dịch quy định tại Điểm (o), Khoản 2 Điều 15- Điều lệ này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng hay giao dịch;
  - b) Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới Cổ đông đó, trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua khớp lệnh hoặc chào mua công khai trên Sở Giao dịch Chứng khoán.
4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại ĐHĐCĐ.

#### **Điều 16- Các đại diện được ủy quyền**

- 1. Cổ đông là cá nhân, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông tổ chức có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bằng văn bản cho một người khác tham dự ĐHĐCĐ. Trường hợp cổ đông là tổ chức không có người đại diện theo ủy quyền theo quy định tại Khoản 4 Điều này thì ủy quyền cho người khác dự họp ĐHĐCĐ. Đại diện được ủy quyền không nhất thiết phải là cổ đông.
- 2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp ĐHĐCĐ phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:
  - a) Trường hợp Cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của Cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;

- b) Trường hợp Cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của Cổ đông và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;
- c) Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

Người được ủy quyền dự họp ĐHĐCĐ phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp.

- 3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với thư ủy quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của thư ủy quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).
- 4. Cổ đông là tổ chức có quyền cử một hoặc một số người đại diện theo ủy quyền thực hiện các quyền cổ đông của mình theo quy định của pháp luật; trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần của mỗi người đại diện.

Việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi người đại diện theo ủy quyền phải bằng văn bản, phải thông báo cho công ty trong thời gian sớm nhất. Thông báo phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, quốc tịch, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông, số và ngày quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của cổ đông;
- b) Số lượng cổ phần, loại cổ phần và ngày đăng ký cổ đông tại Công ty;
- c) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của người đại diện theo ủy quyền;
- d) Số cổ phần được ủy quyền đại diện;
- e) Thời hạn đại diện theo ủy quyền;
- f) Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và của người đại diện theo ủy quyền.

Công ty phải gửi thông báo về người đại diện theo ủy quyền quy định tại khoản này đến cơ quan đăng ký kinh doanh trong thời hạn năm ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo.

- 5. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:
  - a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
  - b) Người ủy quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định ủy quyền;
  - c) Người ủy quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Tuy nhiên, quy định này sẽ không áp dụng nếu Công ty nhận được thông báo bằng văn bản về một trong các sự kiện trên bốn mươi tám (48) giờ trước giờ khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

6. Trường hợp cổ phần được chuyển nhượng trong thời gian từ ngày lập xong danh sách cổ đông đến ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ thì người nhận chuyển nhượng có quyền dự họp ĐHĐCĐ thay thế cho người chuyển nhượng đối với số cổ phần đã chuyển nhượng.
7. Người đại diện theo ủy quyền phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
  - a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;
  - b) Không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp;
  - c) Cổ đông nhà nước nắm giữ trên năm mươi (50) % vốn điều lệ không được cử vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của người quản lý và của người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty làm người đại diện theo ủy quyền tại công ty khác;
8. Trách nhiệm của người đại diện theo ủy quyền cho tổ chức hoặc cá nhân thực hiện theo quy định của Pháp luật, Điều lệ và Quy chế quản lý của tổ chức cử người đại diện theo ủy quyền hoặc theo yêu cầu của cá nhân ủy quyền.
9. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ trong trường hợp sau đây:
  - a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
  - b) Ủy quyền cho một người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
  - c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
  - d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.

#### **Điều 17- Thay đổi các quyền**

1. Các quyết định của ĐHĐCĐ về việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất sáu mươi lăm (65)% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất sáu mươi lăm (65) % quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nói trên biểu quyết thông qua.
2. Cuộc họp của các Cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có thể được tổ chức khi có tối thiểu hai (02) Cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì sẽ tổ chức họp lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của Cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang nhau tại cuộc họp đó.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19- Điều 21- Điều lệ này.
4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến chia sẻ lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty sẽ không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

#### **Điều 18- Triệu tập ĐHĐCĐ, chương trình họp và thông báo họp ĐHĐCĐ**

1. Công ty phải tuân thủ đầy đủ trình tự, thủ tục về triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và các quy định nội bộ của công ty. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng. Thủ tục ủy quyền và lập giấy ủy quyền cho các cổ đông được quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty.
2. HĐQT triệu tập ĐHĐCĐ, hoặc ĐHĐCĐ được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điểm (b) hoặc điểm (c) Khoản 4 Điều 14- Điều lệ này.
3. Người triệu tập phải thực hiện các công việc sau đây để tổ chức họp ĐHĐCĐ:
  - a) Lập danh sách các Cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội không sớm hơn năm (05) ngày trước ngày gửi giấy mời họp ĐHĐCĐ;
  - b) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
  - c) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty;
  - d) Dự thảo nghị quyết của ĐHĐCĐ theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
  - e) Xác định thời gian và địa điểm họp;
  - f) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Điều lệ này;
  - g) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.
4. Thông báo họp ĐHĐCĐ được gửi cho tất cả các Cổ đông bằng chuyển trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty và trên phương tiện thông tin của Sở Giao dịch Chứng khoán. Thông báo họp ĐHĐCĐ phải được gửi đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười (15) ngày trước ngày họp ĐHĐCĐ (tính từ ngày thông báo được gửi đi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp ĐHĐCĐ, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các Cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm theo thông báo họp ĐHĐCĐ, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các Cổ đông có thể tiếp cận bao gồm:
  - a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
  - b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên HĐQT, Kiểm soát viên;

- c) Phiếu biểu quyết;
  - d) Mẫu giấy chỉ định người đại diện theo ủy quyền dự họp;
  - e) Dự thảo nghị quyết của ĐHĐCĐ đối với từng vấn đề trong chương trình họp.
5. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông được đề cập tại Khoản 4 Điều 12- của Điều lệ này có quyền kiến nghị các vấn đề đưa vào chương trình họp ĐHĐCĐ. Kiến nghị phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc ĐHĐCĐ. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên Cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ căn cước công dân, hoặc giấy chứng minh nhân dân, hoặc hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với Cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với Cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.
  6. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ có quyền từ chối những đề xuất được nêu theo Khoản 5 Điều này trong các trường hợp sau:
    - a) Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
    - b) Vào thời điểm đề xuất, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông không nắm giữ đủ ít nhất năm (05) % cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng;
    - c) Vấn đề được đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của ĐHĐCĐ;
    - d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
  7. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại Khoản 5 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại Khoản 6- Điều này. Kiến nghị sẽ được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được ĐHĐCĐ chấp thuận.
  8. HĐQT hoặc người khác triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ theo quy định tại Khoản 4 Điều 14- Điều lệ này phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.

#### **Điều 19- Các điều kiện tiến hành họp ĐHĐCĐ**

1. ĐHĐCĐ được tiến hành khi có số Cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất năm mươi một (51) % cổ phần có quyền biểu quyết.
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 1 Điều này, trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. ĐHĐCĐ phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức ĐHĐCĐ lần thứ nhất. ĐHĐCĐ triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có các Cổ đông và những đại diện được ủy quyền dự họp đại diện cho ít nhất ba mươi ba (33) % cổ phần có quyền biểu quyết.

3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết, trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. ĐHĐCĐ lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai, và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện uỷ quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại ĐHĐCĐ lần thứ nhất.
4. Theo đề nghị của Chủ tọa, ĐHĐCĐ có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Khoản 4 Điều 18- của Điều lệ này.

#### **Điều 20- Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại ĐHĐCĐ**

1. Trước hoặc vào ngày tổ chức ĐHĐCĐ, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký Cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các Cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết. Thời gian thực hiện việc đăng ký do HĐQT quyết định. Khi tiến hành đăng ký Cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng Cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của Cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của Cổ đông đó.
2. Cổ đông đến dự ĐHĐCĐ muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho Cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi Cổ đông đến muộn tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.
3. Chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu của ĐHĐCĐ được quy định như sau:
  - a) Chủ tịch HĐQT làm chủ tọa các cuộc họp do HĐQT triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên HĐQT trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trưởng Ban kiểm soát điều khiển để ĐHĐCĐ bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm Chủ tọa cuộc họp.
  - b) Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp ĐHĐCĐ điều khiển để ĐHĐCĐ bầu Chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất sẽ làm Chủ tọa cuộc họp;
  - c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm Thư ký đại hội;
  - d) Đại hội sẽ bầu trong số đại biểu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát việc kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa. Số thành viên của Ban kiểm phiếu do ĐHĐCĐ quyết định căn cứ đề nghị của chủ tọa.
4. Chương trình và nội dung họp phải được ĐHĐCĐ thông qua ngay trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

5. Chủ tọa có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển cuộc họp ĐHĐCĐ một cách hợp lệ, có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp. Quyết định của Chủ tọa về trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của ĐHĐCĐ sẽ mang tính phán quyết cao nhất.
6. ĐHĐCĐ thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong chương trình họp. Khi tiến hành biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành và phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phiếu phản đối và phiếu trắng hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề sẽ được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó.
7. Chủ tọa ĐHĐCĐ có thể hoãn họp đại hội khi có sự nhất trí và yêu cầu của ĐHĐCĐ theo quy định tại Khoản 8 Điều 142 Luật Doanh nghiệp. Thời gian hoãn tối đa không quá ba (03) ngày kể từ ngày dự định khai mạc Đại hội. Đại hội họp lại sẽ chỉ xem xét các công việc lẽ ra đã được giải quyết hợp pháp tại Đại hội bị trì hoãn trước đó.
8. Trường hợp Chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng ĐHĐCĐ trái với quy định tại Khoản 7 Điều này, ĐHĐCĐ bầu một người khác trong số những thành viên tham dự để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.
9. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ có thể yêu cầu các Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự ĐHĐCĐ chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà mình cho là thích hợp. Trường hợp có Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nói trên, Người triệu tập họp sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối quyền tham dự hoặc trục xuất Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền dự họp của Cổ đông ra khỏi Đại hội.
10. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để:
  - a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp ĐHĐCĐ;
  - b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại địa điểm đó;
  - c) Tạo điều kiện cho Cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) Đại hội.

Người triệu tập họp ĐHĐCĐ có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức khác.
11. Trong trường hợp tại ĐHĐCĐ có áp dụng các biện pháp nói trên, Người triệu tập họp ĐHĐCĐ khi xác định địa điểm Đại hội có thể:
  - a) Thông báo rằng đại hội sẽ được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội sẽ có mặt tại đó (“Địa điểm Chính Của Đại hội”);
  - b) Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với Địa điểm Chính của Đại hội có thể đồng thời tham dự Đại hội;

Thông báo về việc tổ chức Đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

12. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi Cổ đông sẽ được coi là tham gia đại hội ở Địa điểm Chính của Đại hội.

### **Điều 21- Thông qua quyết định của ĐHĐCĐ**

1. ĐHĐCĐ thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.
2. Nghị quyết của ĐHĐCĐ đối với các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ:
  - a) Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ Công ty;
  - b) Định hướng phát triển Công ty (kế hoạch phát triển dài hạn);
  - c) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
  - d) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT, Ban kiểm soát;
  - e) Quyết định dự án đầu tư, giao dịch mua, bán tài sản của Công ty hoặc giao dịch mua do Công ty thực hiện có giá trị từ ba mươi lăm (35) % trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán;
  - f) Quyết định việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác với tổng giá trị góp vốn, mua cổ phần từ ba mươi lăm (35) % trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán;
  - g) Thông qua báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán;
  - h) Tổ chức lại, giải thể, phá sản Công ty; chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty.
3. Nghị quyết về các nội dung sau đây được thông qua khi có từ **sáu mươi lăm phần trăm (65%)** tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông:
  - a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
  - b) Thay đổi ngành nghề và lĩnh vực kinh doanh;
  - c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty về mô hình hoạt động theo quy định tại Điều 134 Luật Doanh nghiệp;
  - d) Quyết định đầu tư, bán tài sản của Công ty hoặc giao dịch mua do Công ty hoặc chi nhánh thực hiện có giá trị từ ba mươi lăm (35) % trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán;
  - e) Quyết định việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác với tổng giá trị góp vốn, mua cổ phần từ ba mươi lăm (35) % trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán;
  - f) Các hình thức tổ chức lại, giải thể, phá sản Công ty;
  - g) Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ Công ty;



4. Nghị quyết về các nội dung khác thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ được thông qua khi có từ năm mươi một (51) % tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại ĐHĐCĐ trừ các nội dung quy định tại Khoản 3 Điều này:
5. Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT và Ban kiểm soát được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu được quy định tại Điều 39- Điều lệ này.
6. Nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ phải được thông báo đến Cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày nghị quyết được thông qua bằng hình thức đăng tải toàn văn nghị quyết trên trang thông tin điện tử của Công ty (website).
7. Các quyết định được thông qua tại ĐHĐCĐ với số Cổ đông tham gia trực tiếp hoặc thông qua người đại diện được ủy quyền đại diện một trăm (100) % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện theo đúng quy định.

**Điều 22- Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của ĐHĐCĐ**

1. HĐQT có quyền lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của ĐHĐCĐ bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty (trừ các nội dung quy định tại Khoản 2 Điều 21- của Điều lệ này phải được biểu quyết thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ). Trường hợp thông qua quyết định dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì quyết định của ĐHĐCĐ được thông qua nếu được số Cổ đông đại diện ít nhất năm mươi một (51) % tổng số phiếu có quyền biểu quyết chấp thuận.
2. HĐQT phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của ĐHĐCĐ, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất mười lăm (15) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến, yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại Khoản 3 và Khoản 4 Điều 18- của Điều lệ này.
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
  - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số và ngày cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của Công ty;
  - b) Mục đích lấy ý kiến;
  - c) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân, căn cước công dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của Cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của Cổ đông là tổ chức, hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân, căn cước công dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo uỷ quyền của Cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của Cổ đông;
  - d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
  - e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

- f) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
  - g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT và người đại diện theo pháp luật của Công ty;
  - h) Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của Cổ đông cá nhân, hoặc của người đại diện theo ủy quyền/người đại diện theo pháp luật của Cổ đông tổ chức.
4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty theo một trong các hình thức sau đây:
- a) Gửi thư. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
  - b) Gửi fax hoặc thư điện tử. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết;

5. HĐQT kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban Kiểm soát hoặc của Cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh;
  - b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
  - c) Số Cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách Cổ đông tham gia biểu quyết;
  - d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
  - e) Các quyết định đã được thông qua;
  - f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

Các thành viên HĐQT và người giám sát kiểm phiếu, người kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.
7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

## **Điều 23- Biên bản họp ĐHĐCĐ**

1. Cuộc họp ĐHĐCĐ phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và phải có các nội dung theo quy định tại Điều 146 Luật Doanh nghiệp, có chữ ký của Chủ tọa đại hội và Thư ký.
2. Biên bản họp ĐHĐCĐ phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp và phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ kể từ khi kết thúc cuộc họp.
3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản, chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản ĐHĐCĐ.
4. Biên bản họp ĐHĐCĐ, các bản ghi chép, sổ chữ ký của các Cổ đông dự họp và văn bản uỷ quyền tham dự, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
5. Biên bản ĐHĐCĐ được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại ĐHĐCĐ trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.

## **Điều 24- Yêu cầu hủy bỏ quyết định của ĐHĐCĐ**

1. Trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ ngày nhận được biên bản họp ĐHĐCĐ hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến ĐHĐCĐ, Cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại Khoản 4 Điều 12- Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của ĐHĐCĐ trong các trường hợp sau đây:
  - a) Trình tự và thủ tục triệu tập họp ĐHĐCĐ không thực hiện đúng theo quy định của Điều lệ Công ty và của pháp luật;
  - b) Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.
2. Trường hợp quyết định của ĐHĐCĐ bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại ĐHĐCĐ trong vòng mười lăm (15) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

## **Mục 2. Hội đồng Quản trị**

### **Điều 25- Ứng cử, đề cử thành viên HĐQT**

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên HĐQT được đưa vào tài liệu họp ĐHĐCĐ và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên HĐQT phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên HĐQT. Thông tin liên quan đến ứng viên HĐQT được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ học vấn;
- c) Trình độ chuyên môn;
- d) Quá trình công tác;
- e) Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên HĐQT và các chức danh quản lý khác;
- f) Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên HĐQT của Công ty;
- g) Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
- h) Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
- i) Các thông tin khác (nếu có).

## 2. Giới thiệu và đề cử vào HĐQT

Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số phiếu biểu quyết lại với nhau để đề cử các ứng viên HĐQT. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ năm (05) % đến dưới hai mươi (20) % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ hai mươi (20) % đến dưới năm mươi (50) % được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ năm mươi (50) % đến dưới sáu mươi lăm (65) % được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ sáu mươi lăm (65) % trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

3. Trường hợp số lượng các ứng viên HĐQT được đề cử và tự ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, HĐQT đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do Công ty quy định quy định tại quy chế nội bộ về quản trị Công ty. Cơ chế đề cử hay cách thức HĐQT đương nhiệm đề cử ứng cử viên HĐQT phải được công bố rõ ràng và phải được ĐHCĐ thông qua trước khi tiến hành đề cử.

## **Điều 26- Số lượng, thành phần và nhiệm kỳ của thành viên HĐQT**

1. Số lượng thành viên HĐQT là từ năm (05) thành viên đến mười một (11) thành viên. Nhiệm kỳ của HĐQT là năm (05) năm. Số lượng thành viên HĐQT cụ thể cho từng nhiệm kỳ của HĐQT do ĐHCĐ quyết định.
2. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT không quá năm (05) năm. Thành viên HĐQT có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ HĐQT. Thành viên HĐQT không nhất thiết phải là Cổ đông của Công ty.
3. HĐQT của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi HĐQT nhiệm kỳ tiếp theo được bầu và tiếp quản công việc.
4. Cơ cấu thành viên HĐQT: Số thành viên HĐQT độc lập phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên HĐQT.
5. Cơ cấu HĐQT đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên có kiến thức và kinh nghiệm về pháp luật, tài chính, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty và có xét đến yếu tố về giới tính.

6. Thành viên HĐQT sẽ không còn tư cách thành viên HĐQT trong các trường hợp sau:
- a) Không đủ tư cách làm thành viên HĐQT theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên HĐQT;
  - b) Gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;
  - c) Bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự;
  - d) Vắng mặt, không tham dự các cuộc họp của HĐQT liên tục trong vòng sáu (06) tháng mà không có sự cho phép của HĐQT và HĐQT đã phán quyết rằng vị trí của người này bị bỏ trống;
  - e) Bị bãi nhiệm, miễn nhiệm theo quyết định của ĐHĐCĐ;
  - f) Không còn là đại diện theo uỷ quyền của Cổ đông là tổ chức theo quyết định của tổ chức đó;
  - g) Là đại diện theo uỷ quyền của Cổ đông là tổ chức, nhưng tổ chức đó không còn là Cổ đông của Công ty.;
  - h) Theo quyết định của ĐHĐCĐ;
  - i) Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là thành viên HĐQT;
  - j) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
7. HĐQT có thể bổ nhiệm thành viên HĐQT mới để thay thế chỗ trống bất ngờ phát sinh trong HĐQT và thành viên mới này phải được chấp thuận tại ĐHĐCĐ ngay sau đó. Sau khi được ĐHĐCĐ chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó sẽ được coi là có hiệu lực vào ngày được HĐQT bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT mới được tính từ ngày việc bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của HĐQT. Trong trường hợp thành viên mới không được ĐHĐCĐ chấp thuận, mọi quyết định của HĐQT cho đến trước thời điểm diễn ra ĐHĐCĐ có sự tham gia biểu quyết của thành viên HĐQT thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.
8. Việc bổ nhiệm các thành viên HĐQT phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật.

#### **Điều 27- Quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT**

- 1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản lý hoặc chỉ đạo thực hiện của HĐQT. HĐQT là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về ĐHĐCĐ.
- 2. HĐQT có trách nhiệm giám sát, chỉ đạo Giám đốc và các cán bộ quản lý, cán bộ điều hành khác trong việc quản lý, điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty.
- 3. HĐQT có các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty và các quyết định của ĐHĐCĐ. Cụ thể, HĐQT có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:
  - a) Xác định các mục tiêu hoạt động và mục tiêu chiến lược trên cơ sở các mục đích chiến lược do ĐHĐCĐ thông qua;

- b) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
- c) Bổ nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch HĐQT; bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật, cho nghỉ chế độ, quyết định mức lương và lợi ích khác đối với Giám đốc và các chức danh cán bộ quản lý, cán bộ điều hành khác theo đề nghị của Giám đốc; Quyết định cử người đại diện thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp ở công ty khác cùng với mức thù lao và lợi ích khác của những người đó. Tuy nhiên, việc bãi nhiệm các chức danh cán bộ quản lý, cán bộ điều hành Công ty không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có).
- d) Quyết định việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác với tổng giá trị góp vốn, mua cổ phần dưới ba mươi lăm (35) % tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán theo đề nghị của Giám đốc Công ty;
- e) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty; Quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty;
- f) Đề xuất việc tổ chức lại, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể hoặc yêu cầu phá sản Công ty; Đề xuất quy chế nội bộ về quản trị Công ty trình ĐHĐCĐ qua theo thẩm quyền. Quyết định tổ chức lại, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể, chuyển đổi Công ty, quyết định quy chế nội bộ về quản trị Công ty sau khi được ĐHĐCĐ thông qua;
- g) Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với cán bộ quản lý, cán bộ điều hành Công ty cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý chống lại cán bộ quản lý, cán bộ điều hành đó;
- h) Đề xuất các loại cổ phần được quyền phát hành và tổng số cổ phần phát hành theo từng loại; Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác; quyết định tiến độ huy động vốn điều lệ của Công ty; Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại Khoản 1 Điều 130 Luật Doanh nghiệp;
- i) Đề xuất việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước; Quyết định giá chào bán cổ phần, trái phiếu và các chứng khoán chuyển đổi trong trường hợp được ĐHĐCĐ ủy quyền;
- j) Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời; tổ chức việc chi trả cổ tức; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- k) Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập trong danh sách các công ty kiểm toán đã được ĐHĐCĐ thông qua theo đề nghị của Ban kiểm soát.
- l) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của Điều lệ này và pháp luật;
- m) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

- n) Chấp thuận các hợp đồng và giao dịch được ký giữa Công ty và những đối tượng được quy định tại Khoản 1 Điều 162 Luật doanh nghiệp có giá trị nhỏ hơn ba mươi lăm (35) % tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất, trừ hợp đồng và giao dịch thuộc thẩm quyền của ĐHCĐ. Người đại diện Công ty ký hợp đồng phải thông báo các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó, đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. HĐQT quyết định việc chấp thuận hoặc giao dịch trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày nhận được thông báo, thành viên HĐQT có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết;
  - o) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm (35) % tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất, trừ hợp đồng và giao dịch quy định tại điểm (l) Khoản 2 Điều 15- của Điều lệ này, Khoản 1 và Khoản 3 Điều 162 của Luật Doanh nghiệp;
  - p) Quyết định đầu tư, bán tài sản của Công ty có giá trị nhỏ hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán;
  - q) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp ĐHCĐ, triệu tập họp ĐHCĐ hoặc lấy ý kiến để ĐHCĐ qua quyết định;
  - r) Trình báo cáo quyết toán tài chính hằng năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị Công ty lên ĐHCĐ;
  - s) Báo cáo ĐHCĐ về việc bổ nhiệm Giám đốc;
  - t) Được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và các đơn vị trong Công ty;
  - u) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định.
4. Những vấn đề sau đây phải được HĐQT phê chuẩn:
- a) Thành lập các chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Công ty; thành lập các công ty con của Công ty (nếu có);
  - b) Trong phạm vi quy định tại Khoản 2 Điều 149 của Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại điểm d Khoản 2 Điều 135, Khoản 1 và Khoản 3 Điều 162 của Luật Doanh nghiệp phải do ĐHCĐ phê chuẩn, HĐQT tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng của Công ty;
  - c) Việc chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và luật sư của Công ty;
  - d) Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;
  - e) Các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh và ngân sách đã được duyệt hoặc vượt quá mười (10) % giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm đã được duyệt;

- f) Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp của Công ty quy định tại Điểm (d) Khoản 3 Điều này tại những công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;
  - g) Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;
  - h) Việc Công ty mua hoặc thu hồi không quá mười (10) % cổ phần theo từng loại, bao gồm cả mức giá mua hoặc thu hồi;
  - i) Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà HĐQT quyết định cần phải có sự chấp thuận của HĐQT trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình;
  - j) Quyết định mức giá mua lại, thu hồi cổ phần hoặc giá bán cổ phần của Công ty.
5. HĐQT phải báo cáo ĐHĐCĐ về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của HĐQT đối với Giám đốc Công ty và những Cán bộ Quản lý khác trong năm tài chính. Trường hợp HĐQT không trình báo cáo cho ĐHĐCĐ, báo cáo tài chính hàng năm của Công ty sẽ bị coi là không có giá trị và chưa được HĐQT thông qua.
  6. Trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác, HĐQT có thể uỷ quyền cho nhân viên cấp dưới và các cán bộ quản lý đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty .
  7. HĐQT thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác. Mỗi thành viên HĐQT có một phiếu biểu quyết.
  8. Khi thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình, HĐQT tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quyết định của ĐHĐCĐ. Trong trường hợp quyết định do HĐQT thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên chấp thuận thông qua quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trong trường hợp này, Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục trong thời hạn ít nhất một (1) năm có quyền yêu cầu HĐQT đình chỉ thực hiện quyết định nói trên.

**Điều 28- Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên HĐQT**

1. Các thành viên HĐQT trị được nhận thù lao cho công việc của mình với tư cách là thành viên HĐQT. Tổng mức thù lao cho HĐQT do ĐHĐCĐ quyết định. Thù lao của thành viên HĐQT được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của công ty, phải báo cáo ĐHĐCĐ thường niên.
2. Tổng số tiền trả cho các thành viên HĐQT bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác mà thành viên HĐQT là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty.



3. Thành viên HĐQT nắm giữ chức vụ điều hành (bao gồm cả chức vụ Chủ tịch HĐQT), hoặc thành viên HĐQT làm việc tại các tiểu ban của HĐQT, hoặc thực hiện những công việc khác mà theo HĐQT là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên HĐQT, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của HĐQT.
4. Thành viên HĐQT trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên HĐQT của mình, kể cả các chi phí phát sinh cho việc tham dự các cuộc họp của HĐQT, hoặc các tiểu ban của HĐQT hoặc ĐHĐCĐ.

#### **Điều 29- Chủ tịch HĐQT**

1. HĐQT phải lựa chọn và bầu một thành viên HĐQT làm Chủ tịch HĐQT. Chủ tịch HĐQT sẽ không kiêm chức Giám đốc Công ty.
2. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch HĐQT thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 152 Luật doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và nghĩa vụ sau đây:
  - a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT;
  - b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và Chủ tọa cuộc họp HĐQT;
  - c) Tổ chức việc thông qua Nghị quyết của HĐQT;
  - d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các Nghị quyết của HĐQT;
  - e) Chủ tọa cuộc họp HĐQT, cuộc họp ĐHĐCĐ.
3. Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm dự thảo, chủ trì việc thông qua Quy chế hoạt động của HĐQT và phân công nhiệm vụ cho các thành viên HĐQT Công ty.
4. Chủ tịch HĐQT phải có trách nhiệm đảm bảo việc HĐQT gửi báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của HĐQT cho các Cổ đông tại ĐHĐCĐ;
5. Chủ tịch HĐQT có thể bị bãi miễn theo quyết định của HĐQT. Trường hợp HĐQT từ chức hoặc bị bãi miễn, HĐQT phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.

#### **Điều 30- Các cuộc họp của HĐQT**

1. Cuộc họp bầu Chủ tịch HĐQT.

Trường hợp HĐQT bầu Chủ tịch HĐQT thì trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử HĐQT nhiệm kỳ đó, HĐQT phải bầu ra Chủ tịch HĐQT tại cuộc họp đầu tiên của HĐQT nhiệm kỳ đó đồng thời ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số một người trong số họ để triệu tập họp HĐQT.

2. Các cuộc họp định kỳ.

Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập họp HĐQT phải triệu tập và gửi thông báo mời họp HĐQT định kỳ và bất thường chậm nhất năm (5) ngày làm việc trước ngày họp, lập chương trình nghị sự, xác định thời gian và địa điểm, chương trình, các vấn đề cần thảo luận và quyết định. Chủ tịch HĐQT có thể triệu tập họp bất cứ khi nào cần thiết nhưng ít nhất mỗi quý phải họp một lần.

3. Các cuộc họp bất thường.

Chủ tịch phải triệu tập họp HĐQT bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Ngoài ra, Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng trong vòng bảy (07) ngày làm việc, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:

- a) Có đề nghị của Ban kiểm soát;
- b) Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người điều hành khác;
- c) Có đề nghị của ít nhất hai (02) thành viên độc lập HĐQT;
- d) Các trường hợp khác do Điều lệ Công ty quy định.

Đề nghị phải được lập thành văn bản trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của HĐQT.

4. Các cuộc họp HĐQT nêu tại Khoản 3 Điều này phải được tiến hành trong thời hạn bảy ngày làm việc kể từ ngày có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch HĐQT không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 3 Điều này có thể tự mình triệu tập họp HĐQT.

5. Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

6. Địa điểm họp:

Các cuộc họp HĐQT sẽ được tiến hành ở trụ sở chính của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam theo quyết định của Chủ tịch HĐQT và được sự nhất trí của HĐQT.

7. Thông báo và chương trình họp:

a) Thông báo họp HĐQT phải được gửi trước cho các thành viên HĐQT và các thành viên ban kiểm soát ít nhất năm (05) ngày trước khi tổ chức họp, đồng thời có thể gửi Giám đốc không phải là thành viên HĐQT. Các thành viên HĐQT có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên HĐQT đó. Thông báo họp HĐQT phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp HĐQT và các phiếu biểu quyết của thành viên HĐQT.

b) Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên HĐQT và Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty.

8. Số thành viên tham dự tối thiểu

- a) Các cuộc họp của HĐQT theo giấy triệu tập lần thứ nhất chỉ được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên HĐQT có mặt trực tiếp dự họp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận.
- b) Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định Điểm a Khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trong trường hợp này, cuộc họp HĐQT được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên dự họp.
- c) Nếu không đủ số lượng thành viên như vậy thì cuộc họp HĐQT sẽ được tổ chức lại lần thứ ba vào ngày làm việc tiếp theo tại cùng một địa điểm và cùng thời gian, khi đó cuộc họp HĐQT luôn là hợp lệ mà không phụ thuộc vào số lượng thành viên tham dự.

9. Biểu quyết

- a) Trừ trường hợp quy định tại Điểm b) Khoản 9 Điều này, mỗi thành viên HĐQT hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp HĐQT sẽ có một phiếu biểu quyết;
- b) Thành viên HĐQT không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên HĐQT sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức một cuộc họp HĐQT về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết.
- c) Theo quy định tại Điểm d) Khoản 9 Điều này, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của HĐQT liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên HĐQT hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên HĐQT đó, những vấn đề phát sinh đó sẽ được chuyển tới chủ tọa cuộc họp và phán quyết của chủ tọa liên quan đến tất cả các thành viên HĐQT khác sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên HĐQT liên quan chưa được công bố đầy đủ.
- d) Thành viên HĐQT hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điểm a) và b) Khoản 5 Điều 41- Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.
- e) Kiểm soát viên, Giám đốc không phải là thành viên HĐQT có thể dự cuộc họp HĐQT, có quyền thảo luận nhưng không có quyền biểu quyết.

10. Công khai lợi ích

Thành viên HĐQT trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết là mình có lợi ích trong đó sẽ phải công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà HĐQT lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp một thành viên HĐQT không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên đó phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của HĐQT được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.

11. Biểu quyết đa số

Quyết định của HĐQT được thông qua nếu được đa số (trên năm mươi (50) %) thành viên dự họp chấp thuận. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch HĐQT.

12. Việc bỏ phiếu của người vắng mặt

Thành viên không trực tiếp dự họp có quyền biểu quyết thông qua bỏ phiếu bằng văn bản, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác. Phiếu biểu quyết bằng văn bản phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch HĐQT chậm nhất một (01) giờ trước giờ khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

13. Họp trên điện thoại hoặc các hình thức khác

Cuộc họp của HĐQT có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của HĐQT khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- a) Nghe từng thành viên HĐQT khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
- b) Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp, qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Theo Điều lệ này, thành viên HĐQT tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên HĐQT đồng nhất tập họp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện.

Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên HĐQT tham dự cuộc họp này.

14. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên HĐQT có quyền biểu quyết.

Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên HĐQT thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.

15. Biên bản cuộc họp HĐQT

Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm chuyển biên bản họp HĐQT cho các thành viên và biên bản đó sẽ được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp HĐQT được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh, có các nội dung chủ yếu theo Điều 154 Luật Doanh nghiệp và phải có chữ ký của tất cả các thành viên HĐQT tham dự cuộc họp và người ghi biên bản. Biên bản cũng có thể được lập thành nhiều bản giống nhau, mỗi bản có chữ ký của ít nhất một (01) thành viên, và tổng hợp tất cả các bản phải có đủ chữ ký của tất cả các thành viên dự họp và có đóng dấu của Công ty. Cuộc họp HĐQT có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác.

16. Những người được mời họp dự thính

Người phụ trách quản trị (Thư ký) Công ty, Giám đốc, các thành viên Ban Kiểm soát, những Cán bộ điều hành khác (nếu không phải là thành viên HĐQT) và các chuyên gia của một bên thứ ba có thể dự họp HĐQT theo lời mời của HĐQT nhưng không được biểu quyết trừ khi họ có quyền biểu quyết như thành viên HĐQT.

**Điều 31- Các tiểu ban của HĐQT**

1. HĐQT quy định chi tiết về việc thành lập các tiểu ban, trách nhiệm của từng tiểu ban, trách nhiệm của từng thành viên tiểu ban. Cụ thể, HĐQT có thể thành lập các tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm soát nội bộ. Mỗi tiểu ban bao gồm ít nhất 3 người, bao gồm thành viên HĐQT và thành viên bên ngoài theo quyết định của HĐQT. Các thành viên độc lập HĐQT/thành viên HĐQT không điều hành chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của HĐQT. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của HĐQT. Nghị quyết của các tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết tại phiên họp của tiểu ban là thành viên HĐQT.
2. Việc thực thi quyết định của HĐQT hoặc của tiểu ban trực thuộc HĐQT, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban HĐQT phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ.

### **Điều 32- Người Phụ trách Quản trị Công ty**

1. HĐQT chỉ định ít nhất một người làm Người Phụ trách Quản trị Công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị Công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Người Phụ trách Quản trị Công ty kiêm nhiệm làm Thư ký Công ty theo quy định tại Khoản 5 Điều 152 Luật Doanh nghiệp. Nhiệm kỳ của Người Phụ trách Quản trị Công ty do HĐQT quyết định, tối đa là năm (05) năm.
2. Người Quản trị Công ty phải đáp ứng tiêu chuẩn sau:
  - a) Có hiểu biết về pháp luật;
  - b) Không được đồng thời làm việc cho Công ty Kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính cho Công ty;
  - c) Am hiểu hoạt động kinh doanh và quản trị nội bộ của Công ty; có khả năng tổng hợp, sử dụng thành thạo tin học và các thiết bị văn phòng;
  - d) Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của HĐQT.
3. HĐQT có thể bãi nhiệm Người Phụ trách Quản trị Công ty, nhưng không trái với quy định của pháp luật lao động hiện hành.
4. Quyền và nghĩa vụ của Người Phụ trách Quản trị Công ty:
  - a) Tư vấn cho HĐQT trong việc tổ chức họp ĐHĐCĐ, hỗ trợ HĐQT trong các công việc liên quan đến quan hệ giữa Công ty và Cổ đông;
  - b) Chuẩn bị các cuộc họp của HĐQT, Ban kiểm soát và ĐHĐCĐ theo yêu cầu của HĐQT hoặc Ban kiểm soát;
  - c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
  - d) Tham dự các cuộc họp;
  - e) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của HĐQT phù hợp với quy định của luật pháp.
  - f) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp HĐQT và các thông tin khác cho thành viên của HĐQT và Ban kiểm soát;
  - g) Giám sát và báo cáo HĐQT về hoạt động công bố thông tin;
  - h) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ;
  - i) Được hưởng thù lao (phụ cấp) theo Quy chế quản lý nội bộ của Công ty và/hoặc theo quyết định của HĐQT; và
  - j) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quyết định của HĐQT.

### Mục 3. Giám đốc và Người điều hành khác của Công ty

#### Điều 33- Tổ chức bộ máy quản lý

Công ty sẽ thiết lập một hệ thống quản lý, bảo đảm bộ máy quản lý sẽ chịu trách nhiệm trước và chịu sự giám sát, chỉ đạo của HĐQT trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có một Giám đốc, (các) Phó Giám đốc, một Kế toán trưởng và các chức danh điều hành khác do HĐQT bổ nhiệm, miễn nhiệm theo Quy chế quản lý của Công ty. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh nêu trên phải được thực hiện bằng nghị quyết của HĐQT được thông qua một cách hợp thức. Giám đốc và (các) Phó Giám đốc có thể đồng thời là thành viên HĐQT.

#### Điều 34- Người điều hành Công ty

1. Theo đề nghị của Giám đốc và được sự chấp thuận của HĐQT, Công ty được tuyển dụng, sử dụng cán bộ điều hành với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý Công ty do HĐQT quy định. Cán bộ điều hành Công ty phải có năng lực và sự mẫn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.
2. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động (nếu có) đối với Giám đốc Công ty do HĐQT quyết định.
3. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với (các) Phó Giám đốc và Kế toán trưởng và cán bộ điều hành khác sẽ do HĐQT quyết định trên cơ sở đề xuất của Giám đốc.
4. Tiền lương của Giám đốc và cán bộ điều hành khác được tính vào chi phí của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và phải được báo cáo ĐHCĐ thường niên.

#### Điều 35- Bổ nhiệm, bãi nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc

1. Bổ nhiệm, thuê Giám đốc

HĐQT sẽ bổ nhiệm một thành viên trong HĐQT hoặc thuê một người khác làm Giám đốc và sẽ ký hợp đồng quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Giám đốc phải được báo cáo trong ĐHCĐ thường niên và được nêu trong báo cáo thường niên của Công ty.

2. Nhiệm kỳ

Nhiệm kỳ của Giám đốc là năm (05) năm trừ khi HĐQT quyết định khác, và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động (nếu có).

3. Tiêu chuẩn

Giám đốc Công ty phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định tại Điều 65 Luật Doanh nghiệp và không bị cấm giữ chức vụ này theo quy định của pháp luật hiện hành liên quan, tức là những người vị thành niên, người không đủ năng lực hành vi, người đã bị kết án tù, người đang thi hành hình phạt tù, nhân viên lực lượng vũ trang, các

cán bộ công chức nhà nước và người đã bị phán quyết là đã làm cho Công ty mà họ từng lãnh đạo trước đây bị phá sản.

#### 4. Quyền hạn và nhiệm vụ

- a) Thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT và ĐHĐCĐ; tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HĐQT và ĐHĐCĐ thông qua;
- b) Quyết định tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền hoặc không cần phải có nghị quyết của HĐQT, thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại theo đúng thẩm quyền, hoặc các hợp đồng, giao dịch đã được HĐQT, ĐHĐCĐ thông qua theo quy định của Điều lệ này; tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;
- c) Đề nghị HĐQT bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức hoặc ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật, cho nghỉ chế độ, quyết định mức lương và chế độ thù lao của (các) Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh cán bộ điều hành khác theo Quy chế quản lý của Công ty và cử, bãi miễn người đại diện quản lý phần vốn của Công ty đầu tư ở doanh nghiệp khác;
- d) Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật, xếp lương, cho nghỉ chế độ đối với các chức danh cán bộ, nhân viên trong Công ty không thuộc diện phải trình HĐQT phê chuẩn (đối với những chức danh cần phải được sự thông qua của HĐQT thì chỉ được quyết định sau khi đã báo cáo và được HĐQT thông qua);
- e) Tham khảo ý kiến của HĐQT để quyết định số lượng người lao động của Công ty. Tuyển dụng lao động, ký kết hợp đồng lao động, bố trí sử dụng, quyết định lương và phụ cấp (nếu có), khen thưởng, kỷ luật, cho nghỉ chế độ, cho thôi việc đối với người lao động của Công ty theo quy định của pháp luật lao động và quy chế của Công ty;
- f) Đề nghị HĐQT quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty; góp vốn mua cổ phần của doanh nghiệp khác; Đề nghị thông qua đề xuất việc tổ chức lại, chia tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể hoặc yêu cầu phá sản Công ty; Đề xuất Quy chế nội bộ về quản trị Công ty báo cáo HĐQT trình ĐHĐCĐ thông qua theo thẩm quyền;
- g) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh để HĐQT trình ĐHĐCĐ; đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
- h) Xây dựng dự thảo chiến lược phát triển, kế hoạch phát triển trung hạn, kế hoạch kinh doanh hàng năm, các dự án đầu tư, các quy chế quản lý nội bộ của Công ty theo thẩm quyền để trình HĐQT;
- i) Chậm nhất vào ngày 31 tháng 12 hàng năm, Giám đốc phải trình HĐQT phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu kinh doanh và phù hợp với kế hoạch tài chính năm (05) năm;



- j) Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bản cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình để HĐQT thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;
- k) Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, hợp đồng lao động của Giám đốc Công ty và pháp luật;
- l) Có quyền từ chối thực hiện những quyết định của Chủ tịch hay thành viên HĐQT nếu thấy rằng việc đó là trái pháp luật, trái Điều lệ này hoặc trái với nghị quyết của ĐHĐCĐ; đồng thời phải có trách nhiệm thông báo ngay bằng văn bản cho Ban Kiểm soát;
- m) Được quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong những trường hợp khẩn cấp như thiên tai, hỏa hoạn, sự cố bất khả kháng và chịu trách nhiệm về các quyết định này, đồng thời báo cáo ngay cho HĐQT;
- n) Thực hiện trách nhiệm của Người đại diện theo pháp luật của Công ty quy định tại Điều 14 Luật Doanh nghiệp.

#### 5. Báo cáo lên HĐQT và các Cổ đông.

Giám đốc chịu trách nhiệm trước HĐQT và ĐHĐCĐ về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo cho những cơ quan này khi được yêu cầu.

#### 6. Miễn nhiệm

HĐQT có thể miễn nhiệm Giám đốc khi đa số (trên năm mươi (50) %) thành viên trở lên biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một Giám đốc mới thay thế. Giám đốc Công ty bị bãi nhiệm có quyền phản đối việc bãi nhiệm này tại ĐHĐCĐ tiếp theo gần nhất.

#### 7. Từ nhiệm, mất tư cách

- a) Khi muốn từ nhiệm, Giám đốc phải có đơn gửi HĐQT. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày nhận đơn, HĐQT phải xem xét và quyết định.
- b) Giám đốc mất tư cách khi bị chết, mất trí, mất quyền công dân hoặc tự ý bỏ nhiệm sở từ ba (3) ngày trở lên. Trong trường hợp này, HĐQT phải tạm cử người thay thế không quá ba mươi (30) ngày và tiến hành các thủ tục bổ nhiệm Giám đốc mới.

#### 8. Ủy quyền, ủy nhiệm.

- a) Giám đốc có thể ủy quyền hoặc ủy nhiệm cho các Phó giám đốc hoặc người khác thay mình giải quyết một số phần việc của Công ty và chịu trách nhiệm pháp lý về sự ủy quyền hoặc ủy nhiệm đó;
- b) Người được ủy quyền, ủy nhiệm phải chịu trách nhiệm pháp lý trước Giám đốc và pháp luật về những công việc mình làm;
- c) Sự ủy quyền, ủy nhiệm liên quan đến con dấu của Công ty phải được thực hiện bằng văn bản và có thời hạn.

## Mục 4. Ban kiểm soát

### Điều 36- Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Ban kiểm soát được đưa vào tài liệu họp ĐHĐCĐ và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm Kiểm soát viên. Thông tin liên quan đến ứng viên Ban Kiểm soát được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ học vấn;
- c) Trình độ chuyên môn;
- d) Quá trình công tác;
- e) Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ Kiểm soát viên và các chức danh quản lý khác;
- f) Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là Kiểm soát viên của Công ty;
- g) Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
- h) Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
- i) Các thông tin khác (nếu có).

2. Giới thiệu và đề cử vào Ban kiểm soát

Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số phiếu biểu quyết lại với nhau để đề cử các ứng viên HĐQT. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ năm (05) % đến dưới hai mươi (20) % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ hai mươi (20) % đến dưới năm mươi (50) % được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ năm mươi (50) % đến dưới sáu mươi lăm (65) % được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ sáu mươi lăm (65) % trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

4. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát được đề cử và tự ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do Công ty quy định tại quy chế nội bộ về quản trị Công ty. Cơ chế đề cử hay cách thức Ban Kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng cử viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được ĐHĐCĐ qua trước khi tiến hành đề cử.

### Điều 37- Số lượng, thành phần, nhiệm kỳ của Kiểm soát viên

1. Ban Kiểm soát của Công ty có ba (03) thành viên do ĐHĐCĐ bầu và bãi miễn. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát là năm (05) năm. Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều 164 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ và không thuộc các trường hợp sau:
  - a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
  - b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong ba (03) năm liền trước đó.
3. Các Kiểm soát viên phải bầu một (01) Kiểm soát viên làm Trưởng ban. Trưởng Ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty, không phải là người làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính và không phải là Giám đốc tài chính của Công ty. Trưởng ban Kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:
  - a) Triệu tập và chủ trì cuộc họp Ban Kiểm soát;
  - b) Yêu cầu HĐQT, Giám đốc và các cán bộ quản lý khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo các thành viên của Ban Kiểm soát;
  - c) Lập và ký báo cáo của Ban Kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của HĐQT để trình lên ĐHĐCĐ.
4. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong trường hợp sau:
  - a) Kiểm soát viên đó bị pháp luật cấm làm Kiểm soát viên hoặc không còn đủ tiêu chuẩn, điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 164 Luật Doanh nghiệp;
  - b) Kiểm soát viên đó có đơn từ chức gửi đến trụ sở chính của Công ty và được chấp thuận;
  - c) Kiểm soát viên đó bị rối loạn tâm thần, và các Kiểm soát viên khác có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi dân sự;
  - d) Kiểm soát viên đó không thực hiện nghĩa vụ của mình, vắng mặt không tham dự các cuộc họp Ban Kiểm soát trong vòng sáu (6) tháng liên tục và trong thời gian này Ban Kiểm soát không cho phép Kiểm soát viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ này bị bỏ trống, trừ trường hợp bất khả kháng;
  - e) Kiểm soát viên đó bị bãi nhiệm Kiểm soát viên theo quyết định của ĐHĐCĐ do không hoàn thành nhiệm vụ hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này;
  - f) Kiểm soát viên đó không còn là đại diện theo uỷ quyền của Cổ đông là tổ chức theo quyết định của tổ chức đó;
  - g) Kiểm soát viên đó là đại diện theo uỷ quyền của Cổ đông là tổ chức, nhưng tổ chức đó không còn là Cổ đông của Công ty nữa;
  - h) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

5. Kiểm soát viên có thể được thay thế khi có chỗ trống bất ngờ phát sinh. Kiểm soát viên mới này phải được chấp thuận tại ĐHĐCĐ ngay tiếp sau đó. Sau khi được ĐHĐCĐ chấp thuận, việc thay thế Kiểm soát mới đó sẽ được coi là có hiệu lực vào ngày được Ban kiểm soát thay thế. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát mới được tính từ ngày việc thay thế có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của Ban kiểm soát. Trong trường hợp thành viên mới không được ĐHĐCĐ chấp thuận, mọi quyết định của Ban kiểm soát cho đến trước thời điểm diễn ra ĐHĐCĐ có sự tham gia biểu quyết của Kiểm soát viên thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.
6. Trường hợp Ban Kiểm soát vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của mình có nguy cơ gây thiệt hại cho Công ty thì HĐQT triệu tập ĐHĐCĐ để xem xét và miễn nhiệm Ban Kiểm soát đương nhiệm và bầu Ban Kiểm soát mới thay thế.
7. Trong trường hợp vào thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Ban Kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Ban Kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nhiệm vụ cho đến khi Ban Kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

### **Điều 38- Ban Kiểm soát**

#### **1. Quyền và nhiệm vụ của Ban Kiểm soát:**

Ban Kiểm soát có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 165 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và nhiệm vụ sau đây:

- a) Giám sát tình hình tài chính Công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên HĐQT, Giám đốc, người điều hành khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với HĐQT, Giám đốc và cổ đông;
- b) Chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao;
- c) Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;
- d) Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và sáu tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT. Trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh hằng năm của Công ty và báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT lên ĐHĐCĐ tại cuộc họp thường niên;
- e) Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty;
- f) Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của ĐHĐCĐ hoặc theo yêu cầu của Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại Khoản 4 Điều 12- của Điều lệ này;

- g) Khi có yêu cầu của Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại Khoản 4 Điều 12- của Điều lệ này, Ban Kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban Kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến HĐQT và Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban Kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của HĐQT, không gây gián đoạn các hoạt động kinh doanh của Công ty;
  - h) Kiến nghị HĐQT hoặc ĐHĐCĐ các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;
  - i) Khi phát hiện có thành viên HĐQT, Giám đốc và người điều hành khác vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty thì phải thông báo ngay bằng văn bản với HĐQT trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;
  - j) Đề xuất và kiến nghị ĐHĐCĐ lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của công ty kiểm toán độc lập; thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán; thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;
  - k) Xem xét ý kiến của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của Ban Giám đốc Công ty; xem xét báo cáo của Công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi HĐQT chấp thuận; xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của Ban Điều hành Công ty;
  - l) Ban Kiểm soát có quyền sử dụng tư vấn độc lập hoặc bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện các nhiệm vụ được giao;
  - m) Ban Kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên ĐHĐCĐ;
  - n) Tham dự các cuộc họp của HĐQT theo giấy mời, phát biểu ý kiến nhưng không được tham gia biểu quyết;
  - o) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của ĐHĐCĐ.
2. Quyền được cung cấp thông tin của Ban Kiểm soát:
- a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên HĐQT và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT.
  - b) Thành viên của HĐQT, Giám đốc và Người quản lý Công ty khác phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Kiểm soát viên hoặc Ban Kiểm soát.
  - c) Người phụ trách quản trị (Thư ký) Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao chụp các thông tin tài chính, các thông tin khác được cung cấp cho các thành viên HĐQT và bản sao các biên bản họp HĐQT sẽ phải được cung cấp cho các Kiểm soát viên vào cùng thời điểm và theo cùng phương thức như đối với thành viên HĐQT.

- d) Báo cáo của Giám đốc trình HĐQT hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành được gửi đến Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT.
- e) Kiểm soát viên có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm làm việc của người quản lý, điều hành và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc;
- f) Báo cáo và tài liệu do HĐQT chuẩn bị liên quan đến kết quả kinh doanh, báo cáo tài chính, báo cáo đánh giá công tác quản lý điều hành Công ty phải được gửi đến Ban Kiểm soát để thẩm định chậm nhất 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên.

3. Nghĩa vụ của Kiểm soát viên:

- a) Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Công ty, quyết định của ĐHĐCĐ và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao;
- b) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và Cổ đông của Công ty;
- c) Trung thành với lợi ích của Công ty và Cổ đông Công ty; không được sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- d) Trường hợp vi phạm nghĩa vụ quy định tại các mục a, b, c của khoản này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì các thành viên Ban Kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó;
- e) Mọi thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban Kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp có được do vi phạm nghĩa vụ quy định tại mục c khoản này đều thuộc sở hữu của Công ty.
- f) Trường hợp phát hiện có thành viên Ban Kiểm soát vi phạm nghĩa vụ trong khi thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao thì HĐQT phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

4. Cuộc họp của Ban kiểm soát

- a) Sau khi tham khảo ý kiến của HĐQT, Ban Kiểm soát có thể ban hành các quy định về cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên trở lên dự họp. Biên bản họp Ban kiểm soát phải được lập chi tiết và rõ ràng. Thư ký (nếu có) và các Kiểm soát viên dự họp phải ký tên vào các biên bản họp này. Các biên bản họp Ban Kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng Kiểm soát viên.
- b) Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên HĐQT, Giám đốc và đại diện Công ty Kiểm toán độc lập tham dự và trả lời các vấn đề Kiểm soát viên quan tâm tại cuộc họp của Ban kiểm soát.

5. Tiền lương hoặc thù lao và chi phí hoạt động cho Ban Kiểm soát do ĐHĐCĐ quy định và được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của công ty, phải báo cáo ĐHĐCĐ thường niên. Kiểm soát viên được thanh toán các chi phí đi lại, ăn, ở, chi phí sử dụng tư vấn độc lập và chi phí phát sinh hợp lý khi họ tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc liên quan đến các hoạt động kinh doanh của Công ty.

## **Mục 5: Bầu HĐQT và Ban kiểm soát**

### **Điều 39- Bầu HĐQT và Ban Kiểm soát**

1. Các Cổ đông phổ thông tự nguyện tập hợp thành nhóm thoả mãn các điều kiện quy định để đề cử người vào HĐQT và Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều lệ này phải thông báo về việc họp nhóm cho các Cổ đông dự họp biết chậm nhất ngay khi khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ. Công ty sẽ thông báo cho các Cổ đông dự họp về thông tin trên tại cuộc họp ĐHĐCĐ.
2. Căn cứ số lượng thành viên HĐQT và Ban Kiểm soát, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại Khoản 4 Điều 12- được quyền đề cử một hoặc một số người vào HĐQT và Ban Kiểm soát theo quy định tại các Khoản 2 Điều 25- và Khoản 2 Điều 36- tương ứng. Trường hợp số ứng cử viên được Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử thì số ứng cử viên còn lại do HĐQT, Ban Kiểm soát và các Cổ đông khác đề cử.
3. Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT và Ban Kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi Cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần mà mình sở hữu hoặc đại diện nhân với số thành viên được bầu của HĐQT hoặc Ban Kiểm soát. Cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.
4. Những người trúng cử thành viên HĐQT hoặc thành viên Ban Kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử.
5. Trường hợp bầu lần thứ nhất không đủ số lượng thành viên HĐQT và Ban Kiểm soát theo quy định thì phải tiến hành bầu tiếp lần hai trong số những người đã được đề cử của lần thứ nhất còn lại. Trường hợp khi bầu lần thứ hai vẫn chưa đủ số lượng quy định thì ĐHĐCĐ quyết định có bầu tiếp hay không, nếu ĐHĐCĐ không quyết định được thì Chủ toạ Đại hội quyết định.

## **Mục 6: Trách nhiệm của thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Giám đốc và Người điều hành khác**

### **Điều 40- Trách nhiệm cẩn trọng**

Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Giám đốc và Người điều hành Công ty khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của HĐQT, một cách trung thực vì lợi ích cao nhất của Công ty và với mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng phải có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

### **Điều 41- Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi**

1. Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Giám đốc và Người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 159 Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.
2. Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Giám đốc và Người điều hành khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.
3. Thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc và Người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.
4. Trừ trường hợp ĐHCĐ quyết định khác, Công ty không được phép cấp các khoản vay, bảo lãnh, hoặc tín dụng cho các thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Giám đốc, Người Điều hành khác và những Người Có Liên quan của họ hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp công ty đại chúng và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.
5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Giám đốc, Người điều hành khác, hoặc tổ chức, cá nhân liên quan đến những người này hoặc Công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Giám đốc, Người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính, sẽ không bị vô hiệu trong các trường hợp sau:
  - a) Đối với hợp đồng có giá trị từ dưới hai mươi (20) % tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Giám đốc hoặc Người điều hành khác đó đã được báo cáo cho HĐQT. Đồng thời, HĐQT đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên không có lợi ích liên quan; hoặc



- b) Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn hai mươi (20) % của tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Giám đốc hoặc Người điều hành đó đã được công bố cho các Cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó và những Cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này;
- c) Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các Cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được HĐQT hoặc ĐHĐCĐ thông qua hoặc phê chuẩn.

Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Giám đốc, Người điều hành khác hay người có liên quan của họ không được phép sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin chưa được công bố của Công ty để thực hiện các giao dịch liên quan.

#### **Điều 42- Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường**

##### **1. Trách nhiệm về thiệt hại.**

Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Giám đốc và Người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự cẩn trọng, mẫn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

##### **2. Bồi thường.**

Công ty sẽ bồi thường cho những người đã, đang hoặc có nguy cơ trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố, bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính (mà không phải là các vụ kiện do Công ty khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên HĐQT, Người điều hành, nhân viên hoặc đại diện được Công ty uỷ quyền, hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên HĐQT, Người điều hành, nhân viên hoặc đại diện được uỷ quyền của Công ty, với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng nào cho thấy người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.

Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo uỷ quyền của Công ty, thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện theo uỷ quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:

- a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;
- b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh mà người đó đã phải gánh chịu (bao gồm chi phí luật sư), chi phí kiện tụng, các khoản tiền phạt, các khoản tiền thanh toán thực tế ở mức hợp lý trong phạm vi pháp luật cho phép. Công ty có quyền mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

#### **CHƯƠNG IV. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY**

##### **Điều 43- Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ**

1. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông được quy định tại Khoản 4 Điều 12- của Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được uỷ quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra trong giờ làm việc và tại địa điểm kinh doanh chính của Công ty danh sách Cổ đông, các biên bản của ĐHĐCĐ và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó. Yêu cầu kiểm tra của đại diện được uỷ quyền khác của Cổ đông phải kèm theo giấy uỷ quyền của Cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy uỷ quyền này.
2. Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Giám đốc và cán bộ điều hành khác có quyền kiểm tra Sổ Đăng ký Cổ đông của Công ty, danh sách Cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
3. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, biên bản họp ĐHĐCĐ và HĐQT, các báo cáo của Ban Kiểm soát, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.
4. Điều lệ Công ty được công bố trên website của Công ty.

#### **CHƯƠNG V. NGƯỜI LAO ĐỘNG, CÔNG ĐOÀN VÀ CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI TRONG CÔNG TY**

##### **Điều 44- Người lao động, công đoàn và tổ chức chính trị - xã hội**

1. Giám đốc phải lập kế hoạch để HĐQT thông qua về các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành Công ty.
2. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong Công ty hoạt động theo Hiến pháp và pháp luật của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam.
3. Tổ chức công đoàn, các tổ chức chính trị - xã hội khác trong Công ty hoạt động theo Hiến pháp và pháp luật của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và điều lệ của các tổ chức đó.

4. Công ty có nghĩa vụ tôn trọng và không được cản trở, gây khó khăn trong việc thành lập tổ chức chính trị, tổ chức chính trị – xã hội tại Công ty; không được cản trở, gây khó khăn cho người lao động tham gia hoạt động trong các tổ chức này; tạo điều kiện cho các tổ chức trên hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ và điều lệ của mình.

## CHƯƠNG VI. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

### Điều 45- Phân phối lợi nhuận

1. Lợi nhuận trước thuế của Công ty sau khi bù lỗ năm trước (nếu có) theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, trích quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ (nếu có) theo quy định, nộp thuế thu nhập doanh nghiệp và hoàn thành các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật, phần còn lại được sử dụng như sau:
  - a) Chia cổ tức;
  - b) Trích lập các quỹ theo quy định của pháp luật.
2. Mức cổ tức, hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận của Công ty và tỷ lệ trích lập các quỹ do ĐHĐCĐ quyết định theo đề nghị của HĐQT.

### Điều 46- Cổ tức

1. Theo quyết định của ĐHĐCĐ và theo quy định của pháp luật, cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận của Công ty nhưng không được vượt quá mức do HĐQT đề nghị và được ĐHĐCĐ thông qua.
2. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, HĐQT có thể quyết định tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.
3. Công ty không trả lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
4. HĐQT có thể đề nghị ĐHĐCĐ thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phần và HĐQT là cơ quan thực thi nghị quyết này. Công ty có thể chi trả cổ tức bằng cổ phần, trình tự và thủ tục chi trả cổ tức bằng cổ phần thực hiện theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.
5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty sẽ chi trả bằng đồng Việt Nam dưới hình thức tiền mặt hoặc chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng của cổ đông theo thông tin mà cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu lưu ký được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.
6. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, HĐQT có thể thông qua nghị quyết quy định một ngày cụ thể làm ngày chốt danh sách Cổ đông của Công ty. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân chia lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.
7. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

## **CHƯƠNG VII. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**

### **Điều 47- Tài khoản ngân hàng**

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty sẽ tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

### **Điều 48- Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày được cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp lần đầu và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 của năm đó nếu lớn hơn 90 ngày; trường hợp nhỏ hơn 90 ngày thì cộng vào năm tài chính tiếp theo.

### **Điều 49- Hệ thống kế toán**

1. Hệ thống kế toán Công ty sử dụng là Hệ thống Kế toán Việt Nam (VAS) và hệ thống kế toán áp dụng trong TKV được Bộ Tài chính chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam (hoặc ngoại tệ tự do chuyển đổi trong trường hợp được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chấp thuận) làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

## **CHƯƠNG VIII. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG**

### **Điều 50- Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và hàng quý**

1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 53- của Điều lệ này, và trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được ĐHCĐ thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán, cơ quan đăng ký kinh doanh có thẩm quyền và TKV.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính và bảng cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Công ty cho đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính. Trường hợp Công ty là một công ty mẹ, ngoài báo cáo tài chính năm còn phải bao gồm bản cân đối kế toán tổng hợp về tình hình hoạt động của Công ty và các công ty con vào cuối mỗi năm tài chính.
3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính hàng sáu tháng đã soát xét và hàng quý theo quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán (khi Công ty niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán), cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của pháp luật và TKV.
4. Báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo tài chính hàng sáu tháng đã soát xét và báo cáo tài chính hàng quý của Công ty phải được công bố trên website của Công ty.
5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán, báo cáo sáu tháng và báo cáo quý của Công ty trong giờ làm việc của Công ty, tại trụ sở chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

#### **Điều 51- Báo cáo thường niên**

Công ty phải lập và công bố báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và của TKV.

#### **Điều 52- Công khai thông tin**

Công ty phải lập và công bố công khai thông tin theo quy định tại Điều 171 của Luật doanh nghiệp và các quy định có liên quan áp dụng cho công ty đại chúng, công ty niêm yết.

### **CHƯƠNG IX . KIỂM TOÁN CÔNG TY**

#### **Điều 53- Kiểm toán**

1. ĐHĐCĐ thường niên sẽ chỉ định một công ty kiểm toán độc lập, hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho HĐQT quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với HĐQT.
2. Công ty sẽ phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính hàng năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.
3. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính hàng năm phản ánh các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho HĐQT trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
4. Một bản sao của báo cáo kiểm toán sẽ phải được gửi đính kèm với mỗi bản báo cáo kế toán hàng năm của Công ty.

5. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty sẽ được phép tham dự các cuộc họp ĐHĐCĐ và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến ĐHĐCĐ mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

## **CHƯƠNG X. CON DẤU**

### **Điều 54- Con dấu**

1. HĐQT sẽ quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp.
2. HĐQT, Giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

## **CHƯƠNG XI. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ**

### **Điều 55- Chấm dứt hoạt động**

1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:
  - a) Toà án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;
  - b) Giải thể theo quyết định của ĐHĐCĐ;
  - c) Các trường hợp khác do pháp luật quy định.
2. Việc giải thể Công ty do ĐHĐCĐ quyết định, HĐQT thực hiện. Quyết định này phải được thông báo đến cơ quan có thẩm quyền để thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

### **Điều 56- Thanh lý**

1. Tối thiểu sáu (06) tháng sau khi có một quyết định giải thể Công ty, HĐQT sẽ phải thành lập Ban Thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do ĐHĐCĐ chỉ định và một (01) thành viên do HĐQT chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày được thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Toà án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:
  - a) Các chi phí thanh lý;
  - b) Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên;
  - c) Thuế và các khoản mà Công ty phải trả cho Nhà nước;

- d) Các khoản vay (nếu có);
- e) Các khoản nợ khác của Công ty;
- f) Số dư còn lại sau khi đã thanh toán mọi khoản nợ từ mục (a) đến (e) trên đây sẽ được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi sẽ ưu tiên thanh toán trước.

## **CHƯƠNG XII. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ**

### **Điều 57- Giải quyết tranh chấp nội bộ**

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật Doanh nghiệp hay các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định, giữa:
  - a) Cổ đông với Công ty; hoặc
  - b) Cổ đông với HĐQT, Ban Kiểm soát, Giám đốc hay cán bộ điều hành khác,các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới HĐQT hay Chủ tịch HĐQT, Chủ tịch HĐQT sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu từng bên trình bày các sự việc liên quan đến tranh chấp trong vòng mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới HĐQT hay Chủ tịch HĐQT, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Ban Kiểm soát chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.
2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án có thẩm quyền theo đúng quy định của pháp luật.
3. Các bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới quá trình giải quyết tranh chấp. Các chi phí tố tụng sẽ theo phán quyết của Tòa án/Trọng tài.

## **CHƯƠNG XIII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**






### **Điều 58- Bổ sung và sửa đổi Điều lệ**

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được ĐHĐCĐ xem xét quyết định.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

**Điều 59- Ngày hiệu lực**

1. Bản điều lệ này gồm XIII chương, 59 Điều, được ĐHĐCĐ Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Than – Vinacomin nhất trí thông qua ngày 16/4/2018 tại trụ sở chính của Công ty và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.
2. Điều lệ được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau, trong đó:
  - a) Một (01) bản nộp tại Phòng Công chứng Nhà nước của địa phương (nếu cần);
  - b) Năm (05) bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân Tỉnh, Thành phố (nếu cần);
  - c) Bốn (04) bản lưu trữ tại Văn phòng Công ty.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty chỉ có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch HĐQT hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên HĐQT mới có giá trị.

**Chữ ký của các thành viên HĐQT Công ty**

Họ và Tên	Chức vụ	Chữ ký
Ông Nguyễn Trọng Hùng	Chủ tịch HĐQT	
Ông Nguyễn Thanh Hải	Ủy viên HĐQT, Giám đốc, người đại diện theo pháp luật của Công ty	
Ông Phạm Minh	Ủy viên HĐQT	
Ông Nguyễn Văn Cứ	Ủy viên HĐQT	
Bà Nguyễn Thanh Nga	Ủy viên HĐQT	

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG 

CHỦ TỊCH HĐQT



Nguyễn Trọng Hùng